

Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh 1981; địa chỉ: số 12, tổ 1, khu 5B, phường C T, thành phố C P, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: anh Hans Kurt W, sinh năm 1959, quốc tịch: Australia; Địa chỉ nơi cư trú: Terrawinda 2357 Coonabarabran NSW.Australia; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: căn hộ 2711 chung cư Sapphire, B Đ, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 và 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, sinh 1981, quốc tịch Việt Nam và bị đơn anh Hans Kurt W, sinh năm 1959, quốc tịch: Australia.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị

H và anh Hans Kurt W

Về con chung: Các đương sự không có con chung, nên không đề cập.

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản chung như sau:

Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 13 dự án khu xen cư 5, phường C T, thành phố C P, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 378676, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00276 do UBND thị xã C P cấp ngày 14/7/2010 mang tên ông Nguyễn Văn L và bà Đỗ Thị S, ngày 21/01/2011 đăng ký biến động mang tên bà Nguyễn Thị H, trị giá 415.800.000đ (bốn trăm mười năm triệu tám trăm nghìn đồng); và quyền sở hữu 01 căn nhà 04 tầng xây trên thửa đất, trị giá 1.634.623.000đ (một tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Quyền sử dụng diện tích 652,1m² đất tại thôn T H, xã Q L, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 658566, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 485 do UBND huyện V Đ cấp ngày 11/9/2003 mang tên ông Phạm Văn B, ngày 06/12/2007 đăng ký biến động mang tên bà Nguyễn Thị H, trị giá 310.840.300đ (ba trăm mười triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm đồng).

- Quyền sử dụng diện tích 1.116m² đất tại thôn T H, xã Q L, huyện V Đ, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 887977, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H950 do UBND huyện V Đ cấp ngày 24/7/2006 mang tên hộ ông bà Nguyễn Văn G – Dương Thị C, ngày 13/3/2007 đăng ký biến động mang tên bà Nguyễn Thị H, trị giá 330.788.000đ (ba trăm ba mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Anh Hans Kurt W được quyền sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

- Quyền sở hữu, sử dụng căn hộ S12711 tại tầng 27 thuộc nhà chung cư số S1, đường/phố B Đ, phường H G, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh theo hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 12711TSR/HĐMBCH ngày 21/01/2019, trị giá 3.095.255.962đ (ba tỷ không trăm chín mươi năm triệu hai trăm năm mươi năm nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng) .

- Quyền sở hữu 01 xe mô tô PCX nhãn hiệu HONDA BKS 14U1 – 39097 theo Giấy chứng nhận số 026871 của Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 09/01/2019, trị giá 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị H và anh Hans Kurt W không ai phải thanh toán chênh lệch

chia tài sản chung cho ai.

Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 75.000đ (bảy mươi năm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 42.920.500đ (bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 43.300.000đ (bốn mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002324 ngày 05/01/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị H 304.500đ (ba trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002324 ngày 05/01/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Anh Hans Kurt W phải chịu 75.000đ (bảy mươi năm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 47.352.500đ (bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 35.850.000đ (ba mươi năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Hans Kurt W đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002405 ngày 06/5/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh Hans Kurt W còn phải nộp tiếp số tiền 11.577.500đ (mười một triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Sở tư pháp Quảng Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Ánh